

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM CHÂU

Căn cứ Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015.

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT - BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ kết quả thẩm định số 154/TĐ-KTHT ngày 23/6/2022 của Phòng Kinh tế & hạ tầng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với nội dung như sau:

A. BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:

1. Tên công trình: Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

2. Loại, cấp, quy mô công trình:

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.
- Quy mô công trình: Đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa thôn Sơn Lập

3. Chủ đầu tư: UBND xã Cẩm Châu.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

5. Đơn vị thiết kế, lập dự toán: Công ty TNHH MTV Sơn Xuyên.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Giải pháp kiến trúc.

- Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, chiều cao từ nền nhà đến cốt sàn là -0.750 m, chiều cao từ nền nhà đến mái là +4.10m, mái cao 1.9m, chiều cao công trình từ cốt 0.00 đến cốt đỉnh mái là +6.0m.

- Hội trường được bố trí hơn 100 chỗ ngồi, sân khấu rộng 33,6m², cao hơn sàn hội trường 0.6m, phòng hóa trang 7,5m², hiên diện tích 25,2m².

- Tường xây gạch không nung VXM mác 50#, trát trong, ngoài nhà VXM mác 75# dày 1,5cm, gờ phào, chỉ trát VXM mác 75#, tường lăn sơn trực tiếp một nước lót, 2 nước phủ.

- Nền bê tông lót đá 4x6 mác 100# dày 10cm, lát gạch men 500x500 màu vàng nhạt.

- Tam cấp xây gạch, trát VXM mác 100, mặt cỏ trát VMX mác 100.

- Cửa đi và cửa sổ bằng gỗ nhóm 3 không khuôn, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ bằng thép hộp 13x26x1.1mm.

- Mái lợp tôn sóng dày 0.4mm, xà gồ thép hộp 30x60x2mm, kèo thép L:63x63x5 kết hợp tường thu hồi 220, đóng trần tôn vên gỗ khung xương thép hộp.

6.2. Giải pháp kết cấu:

- Móng thiết kế móng đơn BTCT dưới cột, móng băng đá học dưới tường.

- Bê tông lót móng đá 4x6 mác 100 dày 10cm

- Móng đá học xây VXM mác 75#.

- Phần thân kết cấu tường chịu lực, tiết diện cột điển hình 220x220mm, tiết diện dầm điển hình 220x300, sàn BTCT chiều dày điển hình 100mm.

- Mái dầm hệ vì kèo thép L:60x60x5, xà gồ thép hộp 80x40x2.0

- Bê tông móng, cột dầm, sàn bằng bê tông đá 1x2 mác 200.

- Cốt thép có đường kính $D < 10\text{mm}$ nhóm CI, có $R_a = 2250 \text{ Kg/Cm}^2$.

- Cốt thép có đường kính $10 \leq D \leq 20\text{mm}$ nhóm CII có $R_a = 2800 \text{ Kg/Cm}^2$.

- Cốt thép có đường kính $D > 20\text{mm}$ nhóm CIII có $R_a = 3650 \text{ Kg/Cm}^2$.

6.3. Giải pháp điện, chống sét.

- Cấp điện: Điện cấp cho công trình được lấy từ mạng điện 0,4 kv của khu vực. Dây dẫn cấp cho ổ cắm là CU/PVC 2x2.5mm, cấp cho đèn, quạt là CU/PVC 2x1.5mm .

Điện chiếu sáng bằng đèn led 1x40W/220V-1,2m. Đèn lớp ốp trần hành lang; quạt trần 75W. Dây dẫn điện luôn trong ống ghen nhựa đi ngầm bên trong tường, trần và được đấu nối tại các hộp nối dây, ổ cắm, công tắc.

- Chống sét:

Hệ thống chống sét mái dùng kim thu sét D16, L=1000, đầu vót nhọn mạ đồng, dây thu sét D10, dây tiếp địa lập là 40x4, cọc tiếp địa L63x63x6, L=2500mm.

6.4. Giải pháp cấp thoát nước

Nước mưa trên mái được thu về sê nô quanh mái, thoát xuống bằng hệ thống ống đứng PVC D90.

(Chi tiết về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình thống nhất theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

7. Tổng mức đầu tư: 1.033.476.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

Chi phí xây dựng	866.276.000	đồng
Chi phí QLDA	27.138.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD	84.765.000	đồng
Chi phí khác	6.084.000	đồng
Chi phí dự phòng	49.213.000	đồng
Tổng cộng (làm tròn)	1.033.476.000	đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước hỗ trợ, ngân sách xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong quá trình thực hiện quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công chức văn phòng UBND xã, các tổ chức cá nhân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu VT;
- In 07 bản.

CHỦ TỊCH

Quách Văn Mạnh

PHỤ BIỂU CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Nhà văn hóa thôn Sơn Lập, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Châu).

Đơn vị tính: Đồng.

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		787.523.332	78.752.333	866.276.000
1	Nhà văn hóa		787.523.332	78.752.333	866.276.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	3,446%*Gxd	27.138.054		27.138.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		77.059.158	7.705.916	84.765.000
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	6,5%*Gxdtt	51.189.017	5.118.902	56.308.000
2	Chi phí giám sát thi công	3,285% x Gxdtt	25.870.141	2.587.014	28.457.000
IV	CHI PHÍ KHÁC				6.084.000
1	Phí thẩm định BCKTKT (TT209)	0,019%*TMĐT			196.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,57%*TMĐT			5.888.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	5,0% x (I+II+III+IV)			49.213.000
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V)			1.033.476.000

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)./.